

STT	Lớp	Mã số	Họ và tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Tổng điểm	Mã hồ sơ	Ghi chú
01	10C05	C05-01	Phạm Hùng Anh			22	K23-020	
02	10C05	C05-02	Ngô Quốc Anh			25.25	K23-047	
03	10C05	C05-03	Mã Phúc Thiên Ân			23.75	K23-008	
04	10C05	C05-04	Lê Hồng Ân			21	K23-011	
05	10C05	C05-05	Lý Dương Bảo			24.25	K23-050	
06	10C05	C05-06	Nguyễn Thanh Thành Bảo			20.25	K23-060	
07	10C05	C05-07	Thái Gia Bảo			21.5	K23-063	
08	10C05	C05-08	Nguyễn Ngọc Vạn Dung			21	K23-106	
09	10C05	C05-09	Phạm Tiến Dũng			21.5	K23-115	
10	10C05	C05-10	Trần Lê Bảo Hân			19.75	K23-144	
11	10C05	C05-11	Nguyễn Huy Hoàng			20.5	K23-168	
12	10C05	C05-12	Trần Nguyễn Minh Hòa			21	K23-167	
13	10C05	C05-13	Võ Thị Quỳnh Hương			23.5	K23-182	
14	10C05	C05-14	Dương Phúc Khang			20.75	K23-215	
15	10C05	C05-15	Nguyễn Anh Khang			19.5	K23-224	
16	10C05	C05-16	Phan Nguyễn Gia Khanh			20	K23-227	
17	10C05	C05-17	Lư Vũ Đăng Khoa			19	K23-241	
18	10C05	C05-18	Đình Huỳnh Minh Khôi			21.25	K23-255	
19	10C05	C05-19	Trần Đại Lâm			21.5	K23-272	
20	10C05	C05-20	Vũ Huỳnh Vân Liên			22	K23-275	
21	10C05	C05-21	Nguyễn Diệu Linh			24	K23-284	
22	10C05	C05-22	Trịnh Triệu Kim Loan			19.5	K23-287	
23	10C05	C05-23	Nguyễn Thành Luân			20.5	K23-298	
24	10C05	C05-24	Nguyễn Cao Hồng Ngọc			19.75	K23-354	
25	10C05	C05-25	Nguyễn Thiên Ngọc			21.5	K23-363	
26	10C05	C05-26	Đặng Phan Yến Nhi			21	K23-376	
27	10C05	C05-27	Trần Nguyễn Gia Phúc			22	K23-436	
28	10C05	C05-28	Hà Thị Thanh Phương			19.5	K23-449	
29	10C05	C05-29	Nguyễn Lê Quang			22	K23-464	
30	10C05	C05-30	Nguyễn Hồng Quân			20.5	K23-460	
31	10C05	C05-31	Nguyễn Minh Quân			21.5	K23-462	
32	10C05	C05-32	Tiêu Hồng Quyên			22.5	K23-468	
33	10C05	C05-33	Phạm Phú Sang			19.25	K23-474	
34	10C05	C05-34	Phạm Đức Hoàn Thiện			19	K23-520	
35	10C05	C05-35	Nguyễn Lữ Linh Thư			25	K23-542	
36	10C05	C05-36	Phạm Vũ Minh Trí			22.75	K23-599	
37	10C05	C05-37	Lưu Minh Trí			22.25	K23-600	
38	10C05	C05-38	Nguyễn Việt Hoàng Việt			21.5	K23-649	
39	10C05	C05-39	Nguyễn Bùi Yến Vy			22.25	K23-664	
40	10C05	C05-40	Nguyễn Hồng Vy			22	K23-675	
41	10C05	C05-41	Phạm Phương Vy			20.75	K23-678	
42	10C05	C05-42	Trịnh Thị Kiều Vy			25	K23-681	
43	10C05	C05-43	Dương Hải Yến			22.5	K23-691	
44	10C05	C05-44						
45	10C05	C05-45						
46	10C05	C05-46						
47	10C05	C05-47						
48	10C05	C05-48						
49	10C05	C05-49						
50	10C05	C05-50						